

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH PHÚ MỸ**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 0254.3936.838

Fax: 02543.936.839

Email: environment@phumy3sip.com

Website: www.phumy3sip.com

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC
CỦA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHUYÊN SÂU PHÚ MỸ 3
THÁNG 09 NĂM 2026**

Stt	Ngày	Giá trị trung bình pH	Giá trị trung bình Nhiệt độ (°C)	Giá trị trung bình TSS (mg/l)	Giá trị trung bình COD (mg/l)	Giá trị trung bình Amoni (mg/l)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu vào (m³/ngày)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu ra (m³/ngày)
1	01/09/2026	7,43	32,38	9,36	39,33	1,86	4.370	5.511
2	02/09/2026	7,42	32,54	12,48	35,43	2,66	3.991	3.753
3	03/09/2026	7,53	31,14	12,04	41,38	2,69	4.756	4.919
4	04/09/2026	7,40	31,37	16,17	52,19	2,72	5.012	6.174
5	05/09/2026	7,21	31,98	15,54	48,76	2,79	4.821	10.616
6	06/09/2026	7,02	33,19	11,01	44,83	2,79	3.662	9.980
7	07/09/2026	6,97	33,47	12,16	44,37	2,75	5.106	8.407
8	08/09/2026	7,09	34,33	14,30	48,05	2,80	5.451	10.275
9	09/09/2026	7,09	33,16	7,19	45,95	2,76	5.829	11.643
10	10/09/2026	7,09	33,51	9,47	49,03	2,55	5.668	10.480
11	11/09/2026	7,08	33,41	11,69	49,83	2,45	6.820	11.937
12	12/09/2026	7,06	34,16	9,27	50,82	1,98	6.586	12.913
13	13/09/2026	7,03	35,07	11,75	52,01	2,20	4.788	11.128
14	14/09/2026	7,09	35,66	10,92	47,96	2,27	5.304	10.394
15	15/09/2026	7,14	35,81	8,18	48,13	2,21	6.146	11.633
16	16/09/2026	7,18	35,75	9,22	43,41	1,99	5.999	11.696
17	17/09/2026	7,16	35,22	8,03	43,03	1,71	7.989	14.138
18	18/09/2026	7,11	35,27	11,35	43,04	1,51	7.020	12.696
19	19/09/2026	7,16	35,08	9,78	45,21	1,57	7.312	14.354
20	20/09/2026	7,20	34,81	8,94	45,09	1,58	1.427	13.874
21	21/09/2026	7,17	35,33	10,08	44,57	1,89	3.886	11.510
22	22/09/2026	7,20	35,00	11,81	39,15	1,83	6.656	12.193
23	23/09/2026	7,17	34,58	10,72	40,87	1,58	6.479	12.152
24	24/09/2026	7,15	34,37	9,84	46,18	1,37	6.353	11.085
25	25/09/2026	7,13	34,58	7,68	42,03	1,31	6.150	11.856
26	26/09/2026	7,14	34,96	9,94	37,77	1,74	5.132	10.595
27	27/09/2026	7,17	35,46	12,03	36,93	1,90	4.139	9.854
28	28/09/2026	7,30	35,33	13,15	41,74	1,54	5.073	9.541
29	29/09/2026	7,26	35,49	13,18	43,12	1,11	5.644	9.617
30	30/09/2026	7,29	35,41	9,36	43,74	0,94	5.777	11.044
Giá trị trung bình ngày		7,18	34,26 (°C)	10,89 (mg/l)	44,47 (mg/l)	2,03 (mg/l)	5.445 (m³/ngày)	10.532 (m³/ngày)
QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K _c = K _r = 0,9. (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)		6 - 9	40 (°C)	40,5 (mg/l)	60,75 (mg/l)	4,05 (mg/l)	-	-